TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TƠ
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18-9-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hạnh;

2. Ông Phạm Văn Bút.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Ông Đinh Văn Ngãi - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020, về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 08 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Đình D, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị Đ có mặt tại phiên tòa, anh D vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 28/4/2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày:*

Chị Đ và anh D kết hôn vào ngày 17/4/1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2015 đến nay xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, mỗi khi anh D uống rượu về có hành vi bạo lực gia đình, sống không có trách nhiệm với vợ con, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, chị và anh D đã sống ly thân trên ba năm không còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Chị Đ và anh D có 03 người con chung tên là Hoàng Thị Ánh H, sinh ngày 06/9/1997, Hoàng Thị Thúy H, sinh ngày 16/02/2004, Hoàng Thị Thùy T, sinh ngày 22/02/2011, hiện hai cháu H, T đang sống cùng chị Đ. Nếu ly hôn, chị Đ yêu cầu được nuôi hai cháu H, T và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu H đã trên 18 tuổi, sức khỏe bình thường nên chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Hoàng Đình D trình bày:*

Điều kiện kết hôn giữa anh D và chị Đ đúng như chị Đ đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do gia đình gặp khó khăn về kinh tế dẫn đến anh D chán nản hay uống rượu về không kiểm soát được nên có xảy ra xô xát với chị Đ, trong cuộc sống vợ chồng cũng có đôi lúc cãi vã, nhưng không đến mức trầm trọng phải ly hôn, anh D vẫn còn thương yêu vợ con nên anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh D và chị Đ có 03 người con chung đúng như chị Đ đã trình bày, nếu chị Đ cương quyết ly hôn thì anh D yêu cầu được nuôi cháu Hoàng Thị Thúy H, sinh ngày 16/02/2004 và đồng ý giao cháu Hoàng Thị Thùy T, sinh ngày 22/02/2011 cho chị Đ nuôi dưỡng. Cháu Hoàng Thị Ánh H, sinh ngày 06/9/1997 đã trên 18 tuổi nên anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa*:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại Điều 28, 35, và 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền, Chánh án ra quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đúng quy định; Thẩm phán xác định tư cách người tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn với anh Hoàng Đình D.

- Về con chung: Giao hai con chung Hoàng Thị Thúy H, sinh ngày 16/02/2004, Hoàng Thị Thùy T, sinh ngày 22/02/2011 cho chị Nguyễn Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng; chị Đ không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Đ, anh Hoàng Đình D không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Hoàng Đình D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.3] Bị đơn anh Hoàng Đình D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do; căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Hoàng Đình D là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã. Chính anh D cũng thừa nhận mỗi khi uống rượu về nhà có gây sự với vợ và xảy ra sự cãi vã. Hiện nay, chị Đ đang sống ly thân với anh D, tại phiên tòa chị Đ cương quyết yêu cầu được ly hôn vì mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng không thể hàn gắn được. Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải và mở phiên tòa xét xử để các bên đương sự trình bày ý kiến, nhưng bị đơn anh D không đến tham gia phiên tòa để trình bày ý kiến về việc còn thương vợ không muốn ly hôn như thế nào để Hội đồng xét xử xem xét, nghiên cứu. Điều đó chứng tỏ anh D không tha thiết đoàn tụ với chị Đ nên việc chị Đ yêu cầu ly hôn với anh D là có

căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

[2.2] Về con chung: Hai cháu Hoàng Thị Thúy H, sinh ngày 16/02/2004, Hoàng Thị Thùy T, sinh ngày 22/02/2011 hiện đang sống cùng chị Đ và đều có nguyện vọng được sống cùng mẹ, để đảm bảo cho hai cháu H, T có môi trường sống ổn định, phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đảm bảo về việc học tập, Hội đồng xét xử xét thấy giao hai cháu H, T cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị Đ không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con và cháu H đã trên 18 tuổi, cơ thể, trí tuệ phát triển bình thường các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Đ, anh Hoàng Đình D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35, 39, 147, 227, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Hoàng Đình D.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Hoàng Thị Thúy H, sinh ngày 16/02/2004, Hoàng Thị Thùy T, sinh ngày 22/02/2011 cho chị Nguyễn Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Hoàng Đình D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu số tiền 300.000^{đ} (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000^{đ} (*Ba trăm ngàn đồng*) chị Đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004851 ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

Trường hợp bản án, Quyết định được Thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 18/9/2020), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THADS huyện Ba Tơ;
- Đương sự;
- UBND thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Huy